

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HS-ST
Ngày: 21-7-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Mạnh.

Ông Trần Xuân Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST - HS ngày 07 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Phan Văn T; sinh năm 1987; tại Nam Định.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T và bà Vũ Thị Th; có vợ là Phạm Thùy D và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 18-4-2021 đến ngày 21-4-2021, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 13 ngày 21-4-2021 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 15 ngày 25-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định (Có mặt).

- Bị hại: Chị Trần Thị T; sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn V, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Lê Minh K; sinh năm 1960 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 18-4-2021, Phan Văn T cùng với vợ, con và cháu đi chơi lễ hội Phủ Dầy tại xã K, huyện V, tỉnh Nam Định. Khi đến P, T gửi xe mô tô của mình tại điểm trông giữ xe số 3 trong bãi gửi xe C ở khu vực Đền Mẫu Thượng thuộc địa phận xóm 2, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định rồi T cùng với vợ, con và cháu lên trên núi chơi, khoảng 30 phút sau thì xuống chân núi. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày T đi vào trong bãi gửi xe C để lấy xe mô tô ra về, lúc

này vợ, con và cháu của T đi mua đồ chơi ở khu vực gần bãi gửi xe C. T vào đến chỗ để xe mô tô của mình thì có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da AirBlade, BKS 27Z1-30358 của chị Trần Thị T; sinh năm 1983; trú tại: Thôn V, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định để chắn ngay phía sau xe mô tô của T, T phát hiện thấy công tắc khóa điện của xe mô tô nhãn hiệu Hon Da AirBlade, BKS 27Z1-30358 đang ở vị trí có thể mở được cốp xe và bình xăng (Xe mô tô nhãn hiệu Hon Da AirBlade, BKS 27Z1-30358 sử dụng chìa khóa thông minh, chỉ có công tắc để đóng mở khóa điện và công tắc để mở cốp xe và bình xăng). Lúc này, T nảy sinh ý định mở cốp của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da AirBlade, BKS 27Z1-30358 xem có tài sản gì thì trộm cắp. Thực hiện ý định, T dùng tay phải ấn vào công tắc để mở cốp xe, tay trái nâng yên xe lên thì phát hiện thấy trong cốp xe có 01 chiếc ví da màu đen, đoán trong ví có tài sản, T liền dùng tay phải cầm lấy chiếc ví rồi cất giấu ngay vào trong túi phía bên trong của chiếc áo khoác T đang mặc trên người, tay trái thì ấn vào yên xe để đóng cốp xe lại và làm phát ra tiếng kêu “Tách”. Lúc này chị T đang ngồi ở quán nước gần đó đã nghe thấy tiếng kêu “Tách” nên giật mình nhìn vào chỗ để xe mô tô của mình thì phát hiện thấy tay của T đang để trên yên xe mô tô của mình, chị T nghĩ T mở cốp xe mô tô của mình nên liền chạy vào giữ T lại thì lộ ra chiếc ví da màu đen T vừa lấy trộm được bỏ ở trong túi áo, chị T liền hô hoán và cùng với ông Lê Minh K là người bảo vệ của bãi gửi xe C bắt giữ T và báo cho Công an xã K, huyện V, tỉnh Nam Định đến đưa T cùng tang vật về trụ sở UBND xã K để giải quyết. Công an xã K đã tiến hành kiểm tra chiếc ví mà T vừa lấy trộm được của chị T, bên trong ví có các tài sản gồm: Số tiền 5.300.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9 pro vỏ màu đen đã qua sử dụng; 02 chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng (là đồ mỹ ký) đã qua sử dụng. Sau đó Công an xã K đã bàn giao T và tang vật cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐ ngày 07-5-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V đã kết luận: Giá trị của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9 pro là 3.000.000đ (Ba triệu đồng); giá trị của đôi bông tai bằng kim loại màu vàng (mỹ ký) là 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng); giá trị của chiếc ví da màu đen là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Tổng giá trị các tài sản là 3.150.000đ (Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, Phan Văn T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung đã nêu trên.

Trong giai đoạn điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại toàn bộ các vật chứng của vụ án cho chị Trần Thị T, chị T đã nhận lại các tài sản của mình bị chiếm đoạt và không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường, ngoài ra chị T còn xin giảm nhẹ hình phạt cho Phan Văn T.

Cáo trạng số 31/CT-VKSVB ngày 25-6-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố Phan Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phan Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung đã nêu trên và nói lời sau cùng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố. Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ buộc tội đối với bị cáo và đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Phan Văn T.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phan Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Xét hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Về tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Phan Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, của bị hại, của người làm chứng tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Nên, đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 18-4-2021 tại điểm trông giữ xe số 3 trong bãi gửi xe ở Đền Mẫu Thượng thuộc xóm 2, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định, bị cáo Phan Văn T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Trần Thị T; sinh năm 1983; trú tại: Thôn V, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định 01 chiếc ví da màu đen để ở trong cốp của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da AirBlade, BKS 27Z1-30358, bên trong chiếc ví có số tiền là 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng), 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9 pro đã qua sử dụng và 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng (là đồ mỹ ký) đã qua sử dụng. Tổng giá trị tài sản bị cáo T đã chiếm đoạt của chị Thao là 8.450.000đ (Tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) thì bị chị T và quần chúng nhân dân phát hiện bắt quả tang.

Đối chiếu hành vi mà bị cáo T đã thực hiện với quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành thì thấy hành vi đó của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đối với

hành vi của bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Xét hành vi của bị cáo T đã xâm phạm tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân và còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Nên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do đó buộc bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình và cần phải áp dụng loại hình phạt, mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng, đồng thời cũng là để răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện trước lần phạm tội này bị cáo chưa có vi phạm pháp luật gì, lần phạm tội này của bị cáo là lần đầu.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận. Do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo:

Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và động cơ mục đích phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo được nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội mà chỉ cần dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo có khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra người bị hại đã được nhận lại toàn bộ các tài sản của mình bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì và cho đến nay người bị hại cũng không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Phan Văn T 07 (Bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 18-4-2021 đến ngày 21-4-2021).

Giao bị cáo Phan Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phan Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân

